

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 581/QĐ - TMDL

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thực hiện chính sách nội trú 5 tháng cuối năm 2025
đối với học sinh, sinh viên Cao đẳng khóa 16 và Trung cấp 59**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/2008/QĐ - BGDĐT ngày 01/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/2022/QĐ - UBND ngày 17/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Căn cứ Văn bản hợp nhất 2688/2019/VBHN-BLĐTBXH ngày 8 tháng 7 năm 2019 Quyết định về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 1546/VBHN-BLĐTBXH ngày 12/4/2024 của Bộ Lao động- Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ - TMDL ngày 02/5/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1 năm 2024; Quyết định số 339/QĐ - TMDL ngày 08/08/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 2 năm 2024; Quyết định số 453/QĐ - TMDL ngày 27/9/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 3 năm 2024; Quyết định số 563/QĐ - TMDL ngày 13/11/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 4 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 487 và 488/QĐ-TMDL ngày 25/9/2025 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội về việc xét điều kiện sinh viên được học tiếp, cảnh báo học tập và buộc thôi học Hệ Cao đẳng khóa 16 và Hệ Trung cấp khóa 59 học kỳ I năm học 2025 -2026;



Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng chính sách nội trú 05 tháng (Từ tháng 08/2025 đến tháng 12/2025) đối với học sinh, sinh viên Cao đẳng khóa 16 và Trung cấp 59:

+ 100% mức tiền lương cơ sở/tháng/01 HSSV đối với 28 HSSV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (Có danh sách kèm theo).

+ 80% mức tiền lương cơ sở/tháng/01 HSSV đối với 03 HSSV là người tốt nghiệp trường trung học phổ thông dân tộc nội trú (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên, các đơn vị có liên quan, GVCN/CVHT và các em HSSV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu VT, CT HSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Thu Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG

THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 16 VÀ TRUNG CẤP 59

ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ 5 THÁNG CUỐI NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 584/QĐ-TMDL, ngày 05 tháng 11 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức lương cơ sở	Số tháng được	Thành tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6				10	11	12
1. Mức hưởng 100% tiền lương cơ sở											
1	DL16091	Phùng Quang Duy	13/05/2006	QTDL16B	DT Nông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	00822086966	MB Bank	
2	TA16014	Sùng Thị Dung	17/10/2006	TA16A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	0386217103	MB Bank	
3	TA16010	Vàng Thị Sua	02/05/2021	TA16A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	0825061109	MB Bank	
4	KTM16051	Đinh Thị Thêu	11/10/2006	KDTM16A	DT Tây - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	0328829363	MB Bank	
5	NTT 59003	Giảng Thị Dưa	27/11/2009	NTT 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
6	NTT 59039	Hoàng Thị Thi	28/01/2009	NTT 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
7	NTT 59005	Sùng Thị Ia	17/04/2008	NTT 59A	DT H'Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
8	NTT 59003	Giảng Minh Tấn	30/10/2009	NTT 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
9	NTH 59050	Hoàng Thị Sua	16/04/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
10	NTH 59032	Chúng Thị Pôi	31/07/2009	NTH 59A	DT Dao - hộ cận nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
11	NTH 59040	Vù Văn Tiến	06/04/2008	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
12	NTH 59021	Mùa Thị Mai	11/04/2008	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
13	NTH 59024	Ma Thị Na	12/03/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
14	NTH 59034	Cứ Thị Sơ	10/03/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
15	NTH 59030	Giảng Thị Phua	02/11/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ cận nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
16	NTH 59029	Giảng Thị Phê	08/04/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ cận nghèo	2,340,000	5	11,700,000			
17	NTH 59007	Lù Thị Dứa	21/06/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000			

1. Mức hưởng 100% tiền lương cơ sở									
18	NTH 59031	Giảng Thị Phương	08/08/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
19	NTH 59049	Mua Lan Anh	24/04/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
20	NTH 59044	Thao Văn Phương	27/07/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
21	NTH 59008	Thảo Thị Dung	23/02/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
22	NTH 59028	Vù Thị Pà	28/07/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
23	NTH 59046	Thảo Thị Hoa	08/05/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
24	NTH 59027	Cháng Thị Nhung	25/07/2008	NTH 59A	DT Dao - hộ cận nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
25	NTH 59033	Giảng A Sênh	24/06/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
26	NTH 59016	Thảo Thị Liên	23/10/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
27	NTH 59010	Thèo Seo Hiên	23/01/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ cận nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
28	NTH 59037	Châu Thị Sung	15/03/2009	NTH 59A	DT Mông - hộ nghèo	2,340,000	5	11,700,000	
2. Mức hưởng 80% tiền lương cơ sở									
1	HD 16038	Đinh Công Quý	19/01/2005	HDDL 16A	DT Mường - TN PTD TNT	2,340,000	5	9,360,000	0057976799999 MB Bank
2	KS 16036	Cao Huyền Thương	24/08/2006	QTKS 16A	DT Mường - TN PTD TNT	2,340,000	5	9,360,000	0345255113 MB Bank
3	CB 16063	Nguyễn Danh Tuấn	10/05/2006	KTCB 16B	DT Mường - TN PTD TNT	2,340,000	5	9,360,000	0965189590 MB Bank
	Cộng							355,680,000	

Bảng chú: Ba trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng./.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Chúc